TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15 /10/2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Thanh Tuấn.**

2. Ông **Trịnh Văn Bé.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 505/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: số 109, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh H do mai mối, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào cuối năm 2003, anh chị có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang, anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cự cải, anh H không lo làm ăn. Anh chị không còn chung sống từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nay chị yêu cầu ly hôn với anh H

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 07/11/2005; Trần Gia H, sinh ngày 11/10/2004. Hiện nay K, cháu H sống chung với chị T, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu anh H pH cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị T xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị T xác định không có.

- Nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian chung sống và kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 07/11/2005; Trần Gia H, sinh ngày 11/10/2004. Hiện nay K, cháu H sống chung với chị T, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu chị T pH cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn H xác định không có.

- Về nợ chung: Anh Trần Văn H xác định không có.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn H , anh H có nơi cư trú tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Trần Văn H sống chung với nhau vào năm 2003 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, Hện C, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hay cự cải, anh H không lo làm ăn lo cho gia đình. Chị và anh H không còn sống chung từ đầu năm 2017 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống

chung giữa chị T và anh H không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn với H, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình " Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn….". Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 07/11/2005; Trần Gia H, sinh ngày 11/10/2004. Hiện cháu K, cháu H đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T và anh H có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần pH xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu K, cháu H sống ổn định với chị T vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Cháu K hiện nay đã trên 07 tuổi, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu K thì cháu có nguyện vọng muốn sống chung với chị T. Đối với cháu H từ khi anh chị không còn sống chung với nhau, cháu H, cháu K cùng sống chung với chị T và có mối quan hệ thân thiết với nhau, không thể tách rời nhau được, cuộc sống của các cháu đã ổn định, nếu tách rời nhau sẽ làm thay đổi tâm sinh lý của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu K, cháu H cho chị T tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì pH xem xét nguyện vọng của con".

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T, anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị T, anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị T, anh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị T và anh H trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị pH liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị T pH chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ

Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trần Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 113 ngày 01 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã H, Hện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp Lý.

- Về con chung: Chị Lê Thị T được tiếp tục, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 07/11/2005; Trần Gia H, sinh ngày 11/10/2004, anh Trần Văn H không pH cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị T, anh Trần Văn H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị T, anh Trần Văn H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị T, anh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị T và anh H trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị pH liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013134 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị Lê Thị T không pH nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận**:**
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS Hện C;
- Ủy ban nhân dân xã H;
huyện C, tỉnh An Giang.
-Các đương sự;
-Lưu.